TDS SƠN LÓT EPOXY BENZO

TDS EPOXY BENZO PRIMER

ĐẶC TÍNH *FEATURES*	- Benzo Epoxy là một loại sơn hai thành phần có gốc từ Bisphenol-A & Epichlorohydrin. Kết hợp với Polyamide nên sơn có độ dẻo dai, bám dính tuyệt vời, kháng hoá chất khả năng chịu nhiệt, nước, dầu mỡ, chống ăn mòn cao. - *Benzo Epoxy is a two-components paint based on Bisphenol-A and Epichlorohydrin. Combined with Polyamide, the paint has toughness, excellent adhesion, chemical resistance, heat resistance, oil resistance, water resistance, inhibit corrosion.*
CÔNG DỤNG *USAGE*	- Dùng làm lớp sơn lót chống rỉ đầu tiên trên các bề mặt kim loại như kết cấu thép, nhà xưởng, máy móc, cầu tháp, tàu thuyền, v.v. - *It is used for the anti-rust primer coating on metal surfaces such as steel structures, factories, machines, tower bridge, vessels and so on.*
MÀU SẮC *COLORS*	- Thông thường: Nâu đỏ (EXR90), ghi xám (EXL32). Giàu kẽm (EXZ678). - *Typically: Red Brown (EXR90), gray (EXL32). Zinc-rich paint (EXZ678)*
THÔNG SỐ SẢN PHẨM *SPECIFICATION(*)*	- Thể tích rắn (*Volume Solid*) : 68 ± 3 % (mã thường/*normal code*) - Khối lượng riêng(*Density*) : 1.5 - 1.6 kg/l - Giàu kẽm(EXZ678): 2.0 ± 0.1 kg/l. *Zinc-rich (EXZ678)* *(*)Tùy theo màu/depend on color.*
VỆ SINH BỀ MẶT *SURFACE CLEANING*	- Bề mặt cần sơn phải được xử lý sạch và khô, không còn dầu mỡ, bụi bẩn tạp chất. Xử lý theo tiêu chuẩn St2.0, St3 hoặc SA2.0, SA2.5 - *The metal surface must be clean, dry and free of oils, dust and other contamination. According to ST2.0, ST3 or SA 2.0, SA 2.5 for surface preparation standard.* - Sơn lót trước 30p khi đạt độ sạch để tránh trường hợp bị ố vàng và tạo nền móng phá hủy từ bên trong. - *The primer must be approached within 30 minutes after completion of the surface preparation to prevent the yellowing phenomenon and abrasive corrosion.*

DỤNG CỤ SƠN
EQUIPMENTS

- Cọ quét, con lăn, béc 217-317,….. (*brush, roller, nozzle 217-317,….*).
- Súng phun (*Sprayer*):
- Áp suất phun/ *Pressure at nozzle*: 150 - 200 kg/cm^2 (1 kg/cm2 ≈ 0,98 bar ≈ 14,2 psi).
- Khoảng cách từ súng phun sơn đến cấu kiện cần sơn khoảng 0.4 m.
- *The distance between nozzle and substrate is approximate 0.4 m*

CHẤT PHA LOÃNG
THINNER

- Benzo N809, tỷ lệ 5 - 15% theo thể tích.
- *Benzo N809, 5% - 15% by volume.*

TỈ LỆ PHA
MIXING RATIO

- Khuấy, quậy đều phần A và phần B (đóng rắn) theo tỷ lệ 3:1 (theo thể tích).
- *Stirred component A and component B (hardener) by volume 3:1*

THỜI GIAN SỬ DỤNG
TIME FOR USING

- Trong 5 giờ ở 30^{o}C kể từ khi pha sơn.
- *Only used for 5 hours at 30^{o}C since product was mixed*

ĐỘ DÀY MÀNG SƠN
FILM THICKNESS

- Màng sơn ướt / *wet film thickness*: 105 – 175 µm
- Màng sơn khô / *dry film thickness*: 55 - 100 µm.

ĐỘ CHE PHỦ
COVERAGE

- Thực tế khoảng 7.0 m^2/lít/60µm, tùy thuộc vào màu sắc, điều kiện bề mặt, môi trường, phương pháp sơn,...
- *The actual thickness approx. 7.0 m^2/litter/60µm, depend on colors, surface conditions, ambient, method and tools,...*

THỜI GIAN KHÔ
DRY TIME(*)

Nhiệt độ bề mặt *T˚ on surface*	**15˚C**	**30˚C**	**40˚C**
Khô bề mặt *Touch dry*	5 h	2.5 h	1.5 h
Khô để đi lên được (*tối thiểu*) *Walk-on-dry, minimum*	8-12 h	6-8 h	5-7 h
Khô để sơn lớp kế tiếp (*tối thiểu*) *Dry to over coat, minimum*	4.5 h	2.5 h	1.5 h
Khô hoàn toàn Full dry	12 ngày	7 ngày	5 ngày

(*) Bảng thông số được xác định bởi DFT 65 ± 5µm, RH 70%, thời gian khô sẽ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố môi trường(nhiệt độ, độ ẩm,v.v), độ dày thi công.
(*)Parameter table is determined by DFT 65 ± 5µm, RH 70%, drying time will be affected by environmental factors (temperature, humidity,etc), application of thickness.

BAO BÌ
PACKAGING

- Bộ 17.5 lít : Phần A (Base) + Phần B (Hardener)
- *Set 17.5 litter: Part A (Base) + Part B (Hardener)*
- Bộ 5 lít : Phần A (Base) + Phần B (Hardener)
- *Set 5 litter: Part A (Base) + Part B (Hardener)*

HẠN BẢO QUẢN
STORAGE PERIOD

- Sử dụng tốt nhất trong 12 tháng
- *Using within 12 months for best quality*

TTT Ban hành ngày 01 tháng 06 năm 2022
TTT issued on June 01,2022

BENZO
SƠN LÀ ZÔ!